

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
YÊN NGHĨA - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)
QUÝ IV NĂM 2017**

Hà Nội, năm 2017

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán quý IV năm 2017- tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1-4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	6
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	7-38

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135,848,551,142	131,310,017,213
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	24,557,316,655	23,093,127,258
1. Tiền	111		13,057,316,655	3,093,127,258
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,500,000,000	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		377,036,000	448,922,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V2	438,278,610	592,716,610
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V3	(61,242,610)	(143,794,610)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75,228,684,357	78,568,874,515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V4	79,199,418,010	75,004,626,548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,041,737,800	477,641,180
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	15,141,540,391	19,177,872,315
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20,154,011,844)	(16,091,265,528)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		35,582,879,020	28,393,327,833
1. Hàng tồn kho	141	V6	35,582,879,020	28,393,327,833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102,635,110	805,765,607
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		102,635,110	313,943,870
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			410,600,940
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V7		81,220,797
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V8		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26,727,427,349	32,632,904,270

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V9		
II. Tài sản cố định	220	V10	12,824,845,871	14,674,832,177
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12,824,845,871	14,674,832,177
- Nguyên giá	222		55,855,956,746	53,059,449,074
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43,031,110,875)	(38,384,616,897)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V11	743,000,000	1,574,000,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		743,000,000	1,574,000,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V12	12,888,564,179	15,646,259,612
1. Đầu tư vào công ty con	251		29,537,033,203	29,537,033,203
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,001,000,000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,775,000,000	3,321,486,640
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20,424,469,024)	(17,212,260,231)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V13	271,017,299	737,812,481
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		271,017,299	737,812,481
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162,575,978,491	163,942,921,483
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18,370,572,787	17,872,570,883
I. Nợ ngắn hạn	310		18,370,572,787	17,872,570,883
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V14	15,161,691,659	10,980,544,450
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		396,840,060	1,275,645,620
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		602,524,005	578,620,526
4. Phải trả người lao động	314		1,887,228,526	1,826,543,432
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V15		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V16	42,200,402	154,694,098
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V17		3,010,149,135
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		280,088,135	46,373,622
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V18	144,205,405,704	146,070,350,600
I. Vốn chủ sở hữu	410		144,205,405,704	146,070,350,600
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,457,440,000	80,457,440,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,457,440,000	80,457,440,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42,261,553,850	42,261,553,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(308,195,830)	(308,195,830)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19,403,956,567	19,337,142,914
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,390,651,117	4,322,409,666
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			4,322,409,666
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,390,651,117	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162,575,978,491	163,942,921,483

Lập biểu



Kế toán trưởng



Hà Nội ngày 25 tháng 01 năm 2018



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ : Yên nghĩa - Hà Đông - Hà Nội

Tel: Fax:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	46,849,572,730	55,924,393,346	227,751,385,217	272,495,630,470
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,954,545	11,735,000	29,959,545	83,633,600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		46,847,618,185	55,912,658,346	227,721,425,672	272,411,996,870
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	39,882,387,689	47,973,539,914	202,195,256,623	238,202,801,256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		6,965,230,496	7,939,118,432	25,526,169,049	34,209,195,614
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	257,557,781	2,305,194,463	775,046,421	667,460,239
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	1,975,155,832	3,304,118,846	3,517,607,238	4,460,546,075
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,053,050	25,550,881	144,304,176	143,486,379
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	1,310,338,975	1,228,423,258	5,192,924,156	5,294,380,255
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	634,351,567	7,777,639,091	14,359,459,431	18,792,230,431
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		3,302,941,903	(2,065,868,300)	3,231,224,645	6,329,499,092
12. Thu nhập khác	31	V1.7	49,258,490	39,185,300	110,310,877	604,183,180
13. Chi phí khác	32	V1.8	36,000,000	36,000,000	145,161,552	464,762,142
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		13,258,490	3,185,300	(34,850,675)	139,421,038
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		3,316,200,393	(2,062,683,000)	3,196,373,970	6,468,920,130
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		671,079,111	(425,614,347)	805,722,853	1,577,629,868
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		2,645,121,282	(1,637,068,653)	2,390,651,117	4,891,290,262
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 25. tháng 01. năm 2018



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Đứ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Lũy kế từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		242,446,894,704	295,956,418,865
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(203,190,138,482)	(250,175,744,689)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20,368,310,481)	(20,462,113,161)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(144,304,176)	(143,486,379)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(878,620,526)	(500,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,792,928,009	9,925,714,850
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12,673,872,790)	(26,689,432,803)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9,984,576,258	7,911,356,683
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,682,034,945)	(2,180,065,013)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	541,529,703
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,001,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		546,486,640	4,820,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		538,326,210	367,807,426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,598,222,095)	3,549,272,116
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		62,749,999,259	71,793,661,467
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(65,661,132,917)	(74,934,104,693)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,011,031,108)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,922,164,766)	(3,140,443,226)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1,464,189,397	8,320,185,573
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23,093,127,258	14,772,941,685
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		24,557,316,655	23,093,127,258

Lập biểu



Kế toán trưởng



Hà Nội ngày 28 tháng 12 năm 2018

Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI
SÔNG ĐÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa; Kinh doanh vật tư, vận tải,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng có trụ sở chính tại Xóm Bằng Gà, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75,36%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà có trụ sở chính tại Số 25, phố Bùi Sỹ Tiêm, tổ 27, Thị trấn Đông Hưng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết là sản xuất sợi, vải dệt, thoi và các sản phẩm từ nhựa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, vốn góp của Công ty tại công ty liên kết là 1.001.000.000 VND.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 198 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 201 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành. Chi phí sản phẩm dở dang được tính theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp, chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	263,620	125,188,073
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13,057,053,035	2,967,939,185
Các khoản tương đương tiền	11,500,000,000	20,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	11,500,000,000	20,000,000,000
Cộng	24,557,316,655	23,093,127,258

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	438,278,610	377,036,000	(61,242,610)	592,716,610	448,922,000	(143,794,610)
Công ty CP Licogi 16 (Mã: LCG)				154,438,000	39,700,000	(114,738,000)
Công ty CP cung ứng và DV kỹ thuật hàng hải (mã: MAC)	438,278,610	377,036,000	(61,242,610)	438,278,610	409,222,000	(29,056,610)
Cộng	438,278,610	377,036,000	(61,242,610)	592,716,610	448,922,000	(143,794,610)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Số đầu kỳ	(19,860,610)	(102,438,000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(41,382,000)	(41,536,610)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(61,242,610)	(143,974,610)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	29,537,033,203	(17,649,469,024)	29,537,033,203	(14,437,260,231)
Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tùng(i)	29,537,033,203	(17,649,469,024)	29,537,033,203	(14,437,260,231)
Đầu tư vào công ty liên kết	1,001,000,000	-	-	-
Công ty CP công nghiệp Sông Đà (ii)	1,001,000,000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2,775,000,000	(2,775,000,000)	3,321,486,640	(2,775,000,000)
Công ty CP đầu tư và xây dựng số 45 (iii)	2,775,000,000	(2,775,000,000)	2,775,000,000	(2,775,000,000)
Công ty CP Lộc Ninh (iv)			546,486,640	
Cộng	33,313,033,203	(20,424,469,024)	32,858,519,843	(17,212,260,231)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400273378 ngày 11 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 6 năm 2012), Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 28,200,000,000 VND, tương đương 75.36% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 29,537,033,203 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đầu tư 29,537,033,203 VND, tương đương 75.40% vốn điều lệ thực góp của Công ty con.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001114139 ngày 24 tháng 5 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà 9,900,000,000 VND, tương đương 49.5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1,001,000,000 VND, tương đương 5.005% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà là 8,899,000,000 VND.

(iii) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 với số lượng cổ phiếu sở hữu là 125,000 cổ phiếu, tương đương 2,775,000,000 VND. Công ty đang tiến hành trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư này theo số liệu báo cáo tài chính năm 2012.

(iv) Trong năm công ty đã thu hồi toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lộc Ninh số tiền 546,486,640 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết*

Công ty con đã ngừng hoạt động trong giai đoạn từ 1/12/2013 đến 28/7/2015. Từ ngày 29/7/2015, công ty con đã hoạt động trở lại. Trong năm 2017, đơn vị đang hoạt động sản xuất kinh doanh, có doanh thu, tuy nhiên vẫn lỗ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Số đầu kỳ	(18,500,204,493)	(18,016,726,115)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1,924,264,531)	(1,195,534,116)
Hoàn nhập dự phòng		2,000,000,000
Số cuối kỳ	<u>(20,424,469,024)</u>	<u>(17,212,260,231)</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>				
Công ty TNHH Dương Hồng	79,199,418,010	(7,076,006,790)	75,004,626,548	(5,174,290,565)
Công ty TNHH Dương Hồng	10,108,581,129	(7,076,006,790)	10,348,581,129	(5,174,290,565)
Công ty CP VLXD Hà Nội HP	29,209,283,647		29,530,924,527	
Công ty TNHH MTV xi măng Trung Sơn	1,253,707,774		10,466,971,862	
Các khách hàng khác	38,627,845,460		24,658,149,030	
Cộng	<u>79,199,418,010</u>	<u>(7,076,006,790)</u>	<u>75,004,626,548</u>	<u>(5,174,290,565)</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty CP SADICO Cần Thơ	990,000,000	407,000,000
Các khách hàng khác	51,737,800	70,641,180
Cộng	<u>1,041,737,800</u>	<u>477,641,180</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2,097,435,144	(1,360,005,054)	2,097,435,144	(599,974,963)
Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tùng	2,097,435,144	(1,360,005,054)	2,097,435,144	(599,974,963)
Phải thu các khách hàng khác	13,044,105,247	(11,718,000,000)	17,080,437,171	(10,317,000,000)
Công ty CP thương mại và dịch vụ Địa chất (*)	11,090,000,000	(10,916,000,000)	14,790,000,000	(10,215,000,000)
Phải thu Lê Trọng Phú -Cty Huy Phát	700,000,000	(700,000,000)		
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,254,105,247	(102,000,000)	2,290,437,171	(102,000,000)
Cộng	15,141,540,391	(13,078,005,054)	19,177,872,315	(10,916,974,963)

(*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (bên B) về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15,000 m² nằm trong tổng thể 21,290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Theo dự án trên Bên B góp 80% vốn. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì bên B đề nghị bên A thanh toán số tiền còn lại do dự án chậm tiến độ. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, bên A còn nợ 11,090,000,000 VND.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu các bên liên quan	2,097,435,144	737,430,090	2,097,435,144	1,497,460,181
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	2,097,435,144	737,430,090	2,097,435,144	1,497,460,181
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	22,000,581,129	3,206,574,339	25,240,581,129	9,749,290,564
Công ty TNHH Dương Hồng	10,108,581,129	3,032,574,339	10,348,581,129	5,174,290,564
Công ty CP thương mại và dịch vụ Địa chất	11,090,000,000	174,000,000	14,790,000,000	4,575,000,000
Phải thu Lê Trọng Phú -Cty Huy Phát	700,000,000			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH sản xuất thương mại VTKS Xuân Minh	102,000,000		102,000,000	
Cộng	24,098,016,273	3,944,004,429	27,338,016,273	11,246,750,745

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Số đầu kỳ	(21,758,019,355)	(11,888,974,963)
Trích lập dự phòng bổ sung	(179,992,489)	(5,174,290,565)
Hoàn nhập dự phòng	1,784,000,000	972,000,000
Số cuối kỳ	(20,154,011,844)	(16,091,265,528)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	5,230,200,000			
Nguyên liệu, vật liệu	9,569,079,002		13,670,995,893	
Công cụ dụng cụ				
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12,915,121,826		8,953,881,765	
Thành phẩm	1,644,393,075		5,768,450,175	
Hàng gửi bán	6,224,085,117			
Cộng	35,582,879,020		28,393,327,833	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ kết chuyển	15,722,515	30,735,721
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	86,912,595	283,208,149
Cộng	102,635,110	313,943,870

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	42,246,494	169,158,952
Chi phí sửa chữa tài sản	167,432,791	502,934,315
Các chi phí trả trước dài hạn khác	61,338,014	65,719,214
Cộng	271,017,299	737,812,481

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
<i>Số đầu năm</i>	8,587,518,537	42,237,468,731	1,982,759,307	251,702,499	53,059,449,074
Tăng trong kỳ		1,978,847,672	2,008,788,777		3,987,636,449
Giảm trong kỳ		(1,191,128,777)			(1,191,128,777)
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>8,587,518,537</u>	<u>43,025,187,626</u>	<u>3,991,548,084</u>	<u>251,702,499</u>	<u>55,855,956,746</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5,829,130,677	20,774,040,880	1,057,015,357	122,263,636	27,782,450,550
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
<i>Số đầu năm</i>	6,984,872,712	29,876,008,563	1,341,067,194	182,668,428	38,384,616,897
Tăng do khấu hao trong kỳ	167,775,672	4,166,463,237	286,367,301	25,887,768	4,646,493,978
Tăng, giảm do tăng giảm TSCĐ trong kỳ		(608,148,969)	608,148,969		-
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>7,152,648,384</u>	<u>33,434,322,831</u>	<u>2,235,583,464</u>	<u>208,556,196</u>	<u>43,031,110,875</u>
Giá trị còn lại					
<i>Số đầu năm</i>	<u>1,602,645,825</u>	<u>12,361,460,168</u>	<u>641,692,113</u>	<u>69,034,071</u>	<u>14,674,832,177</u>
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>1,434,870,153</u>	<u>9,590,864,795</u>	<u>1,755,964,620</u>	<u>43,146,303</u>	<u>12,824,845,871</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại đến cuối kỳ này theo sổ sách là 1,434,870,153 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây.

Căn cứ vào nghị quyết phê duyệt giá trị dự toán dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ sản xuất số 28A/NQ-HĐQT ký ngày 10/02/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công ty có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt số tiền là 3,080,000,000 VND theo hợp đồng kinh tế số 239/2016/HĐKT ký ngày 01/12/2016 và phụ lục hợp đồng kinh tế số 239A/2016/PLHĐKT ký ngày 16/12/2016 với Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ, trong đó số tài sản đã thực hiện được là 2,180,000,000 VND và số tài sản còn chưa thực hiện cuối kỳ này là 900,000,000 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Đầu tư mua sắm MMTB	1,574,000,000	1,652,780,399	(2,363,780,399)	(120,000,000)	743,000,000
Cộng	1,574,000,000	1,652,780,399	(2,363,780,399)	(120,000,000)	743,000,000

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>15,161,691,659</i>	<i>10,980,544,450</i>
Công ty CP TM & DV Lâm Anh	6,692,170,884	7,425,638,708
Các nhà cung cấp khác	8,469,520,775	3,554,905,742
Cộng	15,161,691,659	10,980,544,450

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>396,840,060</i>	<i>1,275,645,620</i>
North (Đan Mạch)	237,731,760	1,240,011,420
Các khách hàng khác	159,108,300	35,634,200
Cộng	396,840,060	1,275,645,620

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp NS	Phải thu NS	Phải nộp NS	Đã nộp NS	Tăng (+), giảm (-) khác	Phải nộp NS	Phải thu NS
Thuế GTGT hàng bán nội địa			302,784,864	(263,616,798)		39,168,066	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			7,173,848,877	(7,173,848,877)		-	
Thuế xuất nhập khẩu							-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	578,620,526		805,722,853	(878,620,526)		505,722,853	
Thuế thu nhập cá nhân		81,220,797	285,762,570	(204,541,773)			-
Tiền thuế đất			224,053,760	(166,420,674)		57,633,086	
Các loại thuế khác			21,462,798	(21,462,798)			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			1,083,039	(1,083,039)			-
Cộng	578,620,526	81,220,797	8,814,718,761	(8,709,594,485)	-	602,524,005	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,316,200,393	(2,062,683,000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	39,195,161	68,116,416
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>39,195,161</i>	<i>68,116,416</i>
Thù lao thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	36,000,000	52,000,000
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu, phải trả và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối kỳ	3,195,161	16,116,416
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền và phải thu, phải trả, ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối năm trước		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền và phải thu, phải trả, ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối kỳ		
Thu nhập chịu thuế	3,355,395,554	(1,994,566,584)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>671,079,111</i>	
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước</i>		<i>(425,614,347)</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	671,079,111	(425,614,347)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>42,200,402</i>	<i>154,694,098</i>
Kinh phí công đoàn	18,279,240	49,552,139
Phải trả phải nộp khác	23,921,162	105,141,959
Cộng	42,200,402	154,694,098

15. Vay ngắn hạn

Công ty chỉ có khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây.

Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 61/2017/HĐVCHM/NHCT320-STP ngày 26 tháng 7 năm 2017 với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân và thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 30,000,000,000 VND. Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là tiếp tục thế chấp các tài sản sau:

Toàn bộ hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc trên diện tích 9,836.9 m² đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CNHTY - STP ngày 21 tháng 01 năm 2016 và các biên bản định giá lại kiểm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị: 1,837,000,000 VND.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Số đầu kỳ	2,015,271,625	3,463,383,000
Số tiền vay phát sinh		16,238,009,728
Số tiền vay đã trả	(2,007,979,067)	(16,688,126,976)
Giảm do chênh lệch tỷ giá thực hiện	(7,292,558)	(3,116,617)
Số cuối kỳ	-	3,010,149,135

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu kỳ	46,373,622	113,173,622
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	244,564,513	
Chi quỹ	(10,850,000)	(66,800,000)
Số cuối kỳ	280,088,135	46,373,622

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	42,261,553,850	(308,195,830)	29,794,582,914	(568,880,596)	141,179,060,338
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu bằng nguồn quỹ ĐIPT	10,457,440,000			(10,457,440,000)		-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ trước					4,891,290,262	4,891,290,262
Số dư cuối cùng kỳ năm trước	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	19,337,142,914	4,322,409,666	146,070,350,600
Số dư đầu năm nay	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	19,337,142,914	4,322,409,666	146,070,350,600
Phân phối lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước				66,813,653	(4,322,409,666)	(4,255,596,013)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ này					2,390,651,117	2,390,651,117
Số dư cuối kỳ	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	19,403,956,567	2,390,651,117	144,205,405,704

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80,457,440,000	80,457,440,000
Thặng dư vốn cổ phần	42,261,553,850	42,261,553,850
Cổ phiếu quỹ	(308,195,830)	(308,195,830)
Cộng	122,410,798,020	122,410,798,020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8,045,744	8,045,744
- Cổ phiếu phổ thông	8,045,744	8,045,744
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23,681	23,681
- Cổ phiếu phổ thông	23,681	23,681
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,022,063	8,022,063
- Cổ phiếu phổ thông	8,022,063	8,022,063
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2017 Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 4,011,031,500
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 66,813,653
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 244,564,513

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**18a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	313,513.83	224.06

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Doanh thu bán hàng hóa	2,440,390,908	10,943,716,684
Doanh thu bán thành phẩm	44,409,181,822	44,980,676,662
Cộng	46,849,572,730	55,924,393,346

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	1,954,545	11,735,000
Cộng	1,954,545	11,735,000

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2,307,483,750	10,674,678,674
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	37,574,903,939	37,298,861,240
Cộng	39,882,387,689	47,973,539,914

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Lãi tiền gửi	227,128,556	244,715,790
Cổ tức được chia	22,990,000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	7,439,225	60,478,673
Hoàn nhập dự phòng đầu tư khác		2,000,000,000
Lãi về kinh doanh chứng khoán		
Cộng	257,557,781	2,305,194,463

5. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Chi phí lãi vay	3,053,050	25,550,881
Chi phí, Lỗ về kinh doanh chứng khoán	56,402	56,402
Lỗ đầu tư dài hạn khác		1,900,000,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6,399,849	141,620,837
Dự phòng đầu tư dài hạn	1,924,264,531	1,195,534,116
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	41,382,000	41,356,610
Cộng	1,975,155,832	3,304,118,846

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Chi phí nhân viên		60,000,000
Chi phí vận chuyển, dịch vụ và bằng tiền khác	1,310,338,975	1,168,423,258
Cộng	1,310,338,975	1,228,423,258

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Chi phí nhân viên quản lý	1,592,012,245	2,046,489,280
Chi phí vật liệu quản lý	109,853,063	118,858,780
Chi phí đồ dùng văn phòng	24,851,764	26,961,542
Chi phí khấu hao TSCĐ	88,911,069	88,911,069
Thuế, phí và lệ phí	134,468,025	335,225,371
Chi phí dự phòng	(1,604,007,511)	4,202,290,565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79,031,601	512,726,047
Chi phí bằng tiền khác	209,231,311	446,176,437
Cộng	634,351,567	7,777,639,091

8. Thu nhập khác

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Tiền hoàn thuế XNK	48,858,490	
Thu nhập khác	400,000	39,185,300
Cộng	49,258,490	39,185,300

9. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Thù lao TV HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	36,000,000	36,000,000
Cộng	36,000,000	36,000,000

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Tiền lương	369,229,934	344,281,012
Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	48,000,000	48,000,000
Cộng	417,229,934	392,281,012

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội	Công ty do thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ này Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Giao dịch phát sinh phải trả

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Công ty CP đầu tư và thương mại vận tải Hà Nội		
Tiền cước vận chuyển		153,700,400
Tiền mua xe ô tô đầu kéo và sơ mi rơ moóc	800,000,000	
Thuế GTGT	80,000,000	15,370,040
Thanh toán tiền hàng	880,000,000	35,981,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Quý 4 năm 2017			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44,407,227,277	2,440,390,908	46,847,618,185
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44,407,227,277	2,440,390,908	46,847,618,185
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			6,965,230,496
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1,944,690,542)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5,020,539,954
Doanh thu hoạt động tài chính			257,557,781
Chi phí tài chính			(1,975,155,832)
Thu nhập khác			49,258,490
Chi phí khác			(36,000,000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(671,079,111)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2,645,121,282
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1,589,914,546
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			1,293,918,571
Quý 4 năm 2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44,968,941,662	10,943,716,684	55,912,658,346

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44,968,941,662	10,943,716,684	55,912,658,346
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			7,939,118,432
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9,006,062,349)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1,066,943,917)
Doanh thu hoạt động tài chính			2,305,194,463
Chi phí tài chính			(3,304,118,846)
Thu nhập khác			39,185,300
Chi phí khác			(36,000,000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			425,614,347
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(1,637,068,653)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1,598,444,545
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			1,318,843,539

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	91,520,755,068	39,317,864,776	130,838,619,844
Tài sản phân bổ cho bộ phận	6,997,243,195	384,515,273	7,381,758,468
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			24,355,600,179
Tổng tài sản			162,575,978,491
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15,161,691,659		15,161,691,659
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3,208,881,128
Tổng nợ phải trả			18,370,572,787
Số đầu năm			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	84,772,358,533	41,428,305,656	126,200,664,189
Tài sản phân bổ cho bộ phận	4,181,847,185	2,675,228,497	6,857,075,682
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			30,885,181,612
Tổng tài sản			163,942,921,483
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10,980,544,450		10,980,544,450
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			6,892,026,433
Tổng nợ phải trả			17,872,570,883

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016
Khu vực trong nước	36,971,242,236	51,222,895,267
Khu vực nước ngoài	9,876,375,949	4,689,763,079
Cộng	46,847,618,185	55,912,658,346

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 35% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 39%). Các khách hàng khác có số dư dưới 15% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,557,316,655				24,557,316,655
Chứng khoán kinh doanh				438,278,610	438,278,610
Phải thu khách hàng	69,090,836,881			10,108,581,129	79,199,418,010
Các khoản phải thu khác	857,852,989			13,989,435,144	14,847,288,133
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				2,775,000,000	2,775,000,000
Cộng	94,506,006,525	-	-	27,311,294,883	121,817,301,408
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,093,127,258				23,093,127,258
Chứng khoán kinh doanh				592,716,610	592,716,610
Phải thu khách hàng	64,656,045,419			10,348,581,129	75,004,626,548
Các khoản phải thu khác	1,928,592,840			16,989,435,144	18,918,027,984
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	546,486,640			2,775,000,000	3,321,486,640
Cộng	90,224,252,157	-	-	30,705,732,883	120,929,985,040

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	15,161,691,659	-	-	15,161,691,659
Các khoản phải trả khác	23,921,162	-	-	23,921,162
Cộng	15,185,612,821	-	-	15,185,612,821
Số đầu năm				
Vay và nợ	3,010,149,135	-	-	3,010,149,135
Phải trả người bán	10,980,544,450	-	-	10,980,544,450
Các khoản phải trả khác	105,141,959	-	-	105,141,959
Cộng	14,095,835,544	-	-	14,095,835,544

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	313,513.83	224.06
Phải thu khách hàng	76,764.88	65,935.17
Vay và nợ		(132,111.00)
Phải trả người bán		
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	390,278.71	(65,951.77)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	11,500,000,000		20,000,000,000	
Vay và nợ		-		(132,111.00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	11,500,000,000	-	20,000,000,000	(132,111.00)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,557,316,655		23,093,127,258	
Chứng khoán kinh doanh	438,278,610	(61,242,610)	592,716,610	(143,794,610)
Phải thu khách hàng	79,199,418,010	(7,076,006,790)	75,004,626,548	(5,174,290,565)
Các khoản phải thu khác	14,847,288,133	(13,078,005,054)	18,918,027,984	(10,916,974,963)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2,775,000,000	(2,775,000,000)	3,321,486,640	(2,775,000,000)
Cộng	121,817,301,408	(22,990,254,454)	120,929,985,040	(19,010,060,138)
<i>Nợ phải trả tài chính</i>				
Vay và nợ	-		3,010,149,135	
Phải trả người bán	15,161,691,659		10,980,544,450	
Các khoản phải trả khác	23,921,162		105,141,959	
Cộng	15,185,612,821	-	14,095,835,544	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kỳ này.



Ngô Thị Pho
Người lập biểu



Nguyễn Hồng Minh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Trọng Trãi
Tổng Giám đốc